

MÁY LỜI ĐẦU SÁCH

Gia Cát Lượng (181- 234) tự Khổng Minh, là một nhân vật chính trị kiệt xuất trong lịch sử Trung Quốc. Cuối đời Đông Hán, vua hèn yếu, bị quyền thần lấn át, triều đình không kỷ cương phép tắc gì nữa. Bọn quan địa phương tha hồ vơ vét bóc lột của dân, khiến nhân dân vô cùng cực khổ lầm than. Lợi dụng tình hình ấy hào kiệt khắp nơi nổi lên cát cứ, thôn tính lẫn nhau, khiến đất nước loạn lạc tứ tung. Gia Cát Lượng là một người tài cao, học rộng nhưng còn đợi thời ở ẩn tại Nam Dương để có thời gian trao dồi thêm tài năng kiến thức, nuôi dưỡng chí lớn giúp đời. Ngay khi còn nằm trong túp liều tranh nhờ nghiên cứu phân tích tình hình thời thế dựa trên các yếu tố “thiên thời địa lợi nhân hòa” một cách chính xác và sắc sảo, ông đã nhìn ra cái thế “chia ba chân vạc” của các nước Ngụy, Thục, Ngô. Được Lưu Bị ba lần thân hành đến mời, Gia Cát Lượng đã giúp đỡ Lưu Bị xây dựng nước Thục thành một trong ba nước hùng mạnh thời Tam quốc. Ông là một nhà quân sự thiên tài, đã vạch ra chiến lược chiến thuật khiến quân Thục đánh thắng quân Ngụy nhiều trận như trận thiêu đồn Bác Vọng, trận thủy chiến ở Bạch Hà, trận hỏa công ở Xích Bích... Ông còn giỏi về cách dùng gián điệp, khổ nhục kế li gián hàng ngũ kẻ địch, dùng miệng lưỡi thuyết phục vận động kẻ địch, đánh vào tinh thần của chúng, hoàn thành sách lược liên minh với Ngô để chống Ngụy. Ông còn là một nhà khoa học như nghiên cứu thiên văn, bày “Bát trận đồ”, dùng trâu gỗ lấp máy để vận chuyển quân lương qua những rặng núi hiểm trở đất Thục. Khi Lưu Bị sắp qua đời, ân cần phó thác con côi là Lưu Thiện làm vua Thục Hán. Với chức vụ thừa tướng, lo sắp xếp công việc nội trị để giữ nước yên dân. Ông dâng bài “Xuất sư biểu”, xin đem quân đi đánh Ngụy, lời lẽ hùng tráng kích thích, được coi là một tác phẩm văn học ưu tú của Trung Quốc. Trong sáu lần ra Kỳ Sơn, ông đã dùng nhiều mưu kế thần diệu như lên thành – đàn để đánh lừa Tư Mã Ý, mai phục ở cửa Kiếm môn để đánh quân Tôn Quyền...Không may ông mắc bệnh qua đời, nên sự nghiệp đành để dở dang, nhưng lịch sử còn ghi mãi tên ông như một nhà quân sự lỗi lạc.

Sự tích về Khổng Minh đầu tiên được chép trong Tam quốc chí của Trần Thọ đời Hán, sau được đưa vào Nhi Thập tứ sử, bộ sử chính thống của Trung Quốc. Đại thi hào Đỗ Phủ đời Đường có bài thơ Đề Gia Cát Vũ hầu miếu hết lời ca ngợi con người và sự nghiệp của ông: “Lâm lâm xuất sư biểu, Đường đường bát trận đồ”. Nhà chính trị và nhà thơ yêu nước Văn Thiên Đường đời Tống trong khi bị quân xâm lược Nguyên Mông bắt, đã làm bài Chính khí ca để giải bày tâm long của mình, trong khi nhắc đến những tấm gương oanh liệt trong lịch sử, đã đề cập đến Gia Cát Lượng trong câu thơ bất hủ “Hoặc vi xuất sư biểu, Quý thần khắp trang liệt” (Bài biểu xin ra quân, khiến cho quý thần phải khóc trước sự hùng tráng). Nhưng phải đợi đến Tam quốc trí của La Quán Trung đời Minh, dựa theo Tam quốc trí của Trần Thọ và những thoại bản lưu

truyền trong nhân gian để viết thành tiểu thuyết, sự tích Khổng Minh mới được truyền tụng khắp chợ cùng quê và Khổng Minh thành nhân vật điển hình cho con người mưu trí tuyệt vời. Thông qua tài năng nghệ thuật của La Quán Trung, hình tượng Khổng Minh được xây dựng hết sức thành công, làm say mê mấy thế hệ người đọc đến mấy chữ “mưu Gia Cát” “kế Khổng Minh” đã đi vào thành ngữ nhân gian.

Ở Việt Nam, sự tích về Khổng Minh đã được truyền tụng từ lâu. Khi Trần Nghệ Tông đem con gái cho Hồ Quý Ly, đã cho người vẽ bức tranh Tứ phụ đồ ban cho Quý Ly, trong đó vẽ tích bốn người: Chu Công giúp Thành Vương, Hắc Quan giúp Hán Chiêu Đế, Gia Cát Lượng giúp Hán Hậu Chủ, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tôn, ngụ ý mong mỏi Quý Ly cũng sẽ giúp con mình như thế. Đến lúc Nghệ Tông đem việc này hỏi Trần Nguyên Đán (ông ngoại Nguyễn Trãi), ông lặng lẽ không đáp, hỏi lâu chảy nước mắt và đọc hai câu thơ: “Nhận ngôn ký tử dữ lão nha, Bất thức lão nha liên ái phủ” (Đem con mà gởi qua già, Biết là cái quạ thương là chẳng thương). Nghệ Tông không nghe cứ đem con là Trần Thuận uỷ thác cho Quý Ly, quả nhiên tám năm sau Quý Ly bắt Thuận Tông phải nhường ngôi cho con mới lên ba tức Thiếu Đế, rồi lại truất Thiếu Đế mà lên làm vua.

Trong văn học dân gian cũng lưu hành giai thoại: Có một người học trò nhà nghèo, một hôm hết tiền ăn phải đem quần áo đến cầm ở nhà một ông quan. Ông này bảo : Thày có thực là học trò thì tôi ra cho vé câu đối này, nếu đối được thì tôi sẽ cấp tiền cho ăn học”. Rồi ông ta đọc luôn:

Quần tử cố cùng, Quận tử cùng, quân tử cố.

Nghĩa là: Người quân tử bền lòng lúc cùng, người quân tử cùng, người quân tử bền lòng.

Người học trò đối ngay rằng:

Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm

Nghĩa là: Ông Khổng Minh bắt, tha, ông Khổng Minh tha, ông Khổng Minh bắt. Lấy tích “Khổng Minh thất cầm thất túng” bảy lần bắt bảy lần tha Mạnh Hoạch để dùng lượng khoan hồng thuyết phục kẻ địch quy thuận.

Ông quan khen phục câu đối vừa có nghĩa đen vừa có nghĩa bóng, vừa đối chữ, vừa đối tiếng(cùng, túng, cầm, cố), bền cấp tiền cho anh ta ăn học.

Khi Đào Duy Từ (1572 – 1634) rời bỏ Đàng Ngoài tìm vào Đàng Trong, phiêu dạt tới Bình Định phải đi chặn trâu một thời gian rồi xin vào dạy học ở nhà quan Khám Lý Trần Đức Hòa. Từ làm bài Ngọa Long Cương ngâm, tự ví mình với Khổng Minh qua đó bày tỏ chí hướng của mình. Trần Đức Hoà đọc lấy làm lạ liền tiến cử Từ tên chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Từ được chúa biết tài nên rất tin dùng, phong dần đến chức Quân cơ tham lý quốc chính, tước Lộc Khuê hầu. Chúa thường nói: ”Duy Từ là Tử Phòng, Khổng Minh ngày nay vậy. Trong đoạn Ngọa Long Cương ngâm có đoạn ca ngợi Khổng Minh:

Binh quyền việc những đương tay
Lâm cơ thể thắng, một này địch muôn.
Trên bày Bác Vọng thiêu đôn
Bạch hà dung thủy, Hậu Đôn chạy dài.
Bốn cờ biết mấy sức trai,
Có tài thiện chiến, có tài tâm công.
Dạ nghiêm truyền dựa vịnh song,
Mười muôn tên Ngụy nộp cùng Chu Lang.
Hỏa công dâng chước ra hàng,
Gió tàn Xích Bích thổi tàn Ngụy binh
Hoa dung khiến tướng phân doanh.
Gian cùng sớm đã nộp mình vỡ gan...

Nhiều tích về Không Minh được vẽ thành tranh, vẽ trên bình phong, tủ chè, ấm chén sứ... và dựng trên sân khấu tuồng được khán giả say mê thưởng thức như những vở Tam khi Chu Du, Huê dung đạo...

Khi Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu đánh Pháp tuần tiết được nhân dân đưa vào thờ ở đền Trung liệt trên gò Đống Đa, có người làm thơ để đền Trung liệt, hai câu kết như sau:

Lòng trung chỉ có lòng trung biết,
Đỗ Phủ ngày xưa khóc Vũ Hầu.

Ngụ ý ngày xưa Đỗ Phủ làm thơ khóc người trung nghĩa như Gia Cát Lượng thì nay mình cũng làm thơ khóc những người trung nghĩa như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu.

Vì Không Minh là một người thành thạo về khoa học kỹ thuật thời trung cổ, nên trong dân gian từ lâu đã lưu hành câu chuyện về mộ Không Minh. Từ khi còn sống, Không Minh đã cho xây ngôi mộ của mình với những cách sắp đặt kỳ quái, những máy móc bí hiểm, những cạm bẫy bất ngờ, những đường hầm khuất khúc nhằm mục đích nhằm lạc hướng, thử thách óc phán đoán của những kẻ có tham vọng khám phá những bí mật ở đây. Trong những chuyện đó, có những chuyện có căn cứ khoa học như chuyện viên tướng Minh Lưu Bá Ôn sau khi giúp Chu Nguyên Chương nhất thống sơn hà, lập nên nhà Minh, đã tìm vào thám hiểm ngôi mộ Không Minh. Qua những đường hầm quanh co rắc rối như bàn cờ, những cửa ngầm cửa giả chằng chịt khó phân biệt, Lưu Bá Ôn đến một khoảng sân rộng, phía trong đặt bàn thờ, ngoài có một tấm biển bắt người tới nơi phải lạy trước bàn thờ. Lưu Bá Ôn nghĩ mình là một vị quân sư của vua Minh không thua kém gì Không Minh là quân sư của vua Thục Hán nên ngang nhiên không chịu lạy. Bất đồ khi bước vào khoảng sân thì bị kéo nằm rạp xuống

đất không đứng dậy nổi. Thì ra khoảng sân đó có lát phiến đá nam châm, có đặc tính hút sắt, Lưu Bá Ôn mặt áo giáp sắt nên bị nam châm kéo xuống. Lưu Bá Ôn đang luôn cuốn bông ngược nhìn lên thấy mộ bức hoành trên đề bốn chữ “Giải y nhi thoát” (Cởi áo ra thì thoát). Lưu hiểu ý cởi tấm áo giáp sắt ra quả nhiên đứng lên được. Thì ra Không Minh đã biết lợi dụng từ tính tron công trình xây mộ của mình. Gạt bỏ những yếu tố hoang đường, câu chuyện vẫn có cơ sở khoa học đáng tin cậy.

Cuốn **Bí mật mộ Không Minh** viết dựa theo những tài liệu truyền lại từ xưa, chắc sẽ gây cho người đọc sự hấp dẫn và hứng thú ngoài những chi tiết về võ thuật. Qua đó, còn chứng minh đầu óc sáng tạo của con người quả là vô tận, từ những mưu trí dùng trong quân sự chuyển sang mưu trí dùng trong khoa học kỹ thuật, từ việc đánh vào thể xác đến việc đánh vào tinh thần đối phương, khuất phục họ bằng những sự kỳ diệu của khoa học, khi con người biết thu phục tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ cho lợi ích của xã hội. Biết đâu nó chẳng thúc đẩy đầu óc đang tìm hiểu, khám phá, phát minh, sáng chế của lớp trẻ hôm nay tương tự như những chuyện khoa học viễn tưởng trong thời đại hiện nay. Bởi vì đi vào chiều sâu của những bí mật tìm ẩn trong quá khứ cũng là lấy đà phóng mình vào tương lai để khám phá những bí mật của vũ trụ đầy rẫy những cái chưa biết, những câu hỏi chưa lời giải đáp, những lỗ trống trong không gian cũng như trong kiến thức con người.

Hoài Anh

HỒI THỨ NHẤT

TU MÃ VIÊM LÊN NGÔI VUA ĐÁNH CHIẾM BA THỤC

Tu mã Viên cháu nội Tư Mã Ý (người bị Khổng Minh chê là đàn bà tặng cho chiếc yếm) được cha là Tư Mã Chiêu truyền ngôi cho làm vua thì cất quân đi đánh Ba Thục với lý do con của Lưu Bị cho Khương Duy (người làm thay Khổng Minh Gia Cát Lượng làm quân sư) đem quân đi đánh nước Ngụy. Trước đó có hai dư luận về Khổng Minh, một cho là Khổng Minh chán chuyện thế sự, vì biết nhiều thiên cơ nhưng không đảo ngược được thiên cơ, thành ra lên núi tu tiên, hai cho là Khổng Minh đã chết chôn trên Định Quân Sơn.

Nước Ba Thục không có tướng tài, quân lại yếu kém, quân sư không nhiều mưu mô thành ra bị Tư Mã Viên thôn tính.

Tư Mã Viên làm vua cả Ngụy lẫn Ba Thục lấy hiệu là Tấn Võ Đế đóng đô ở Lạc Dương.

Tư Mã Viên cũng như Tào Tháo là người ưa các khoa học huyền bí như bói toán và khoa phong thủy. Bên cạnh vua luôn có những bốc sư như Hoa Hi, Gia Sủng (Hi và Sủng là cháu chắt của Hoa Hâm và Gia Hủ).

Bữa nọ Tấn Võ Đế nằm mơ thấy điều lạ, thực dậy bắt ngự sử ghi chép lại điềm mộng, sáng ra đưa các bốc sư đoán điềm giải mộng, nhưng cả Hoa Hi lẫn Gia Sủng đều nói điềm mộng này quá kỳ bí phải tìm Thần bốc Quân Bật mới đoán nổi (Quân Bật là cháu ba đời Quan Lộ thần bốc của Tào Tháo).

Tấn Võ Đế cho người lên núi Triệu Quân Bật xuống. Được lệnh vua Triệu Quân Bật vội vã xuống núi. Thấy Quân Bật là người tiên phong đạo cốt trán cao mắt sáng điệu bộ khoan thai từ tốn Tấn Võ Đế rất ưng ý.

Quân Bật giải thích cho Tấn Võ Đế biết điềm chiêm bao của vua có liên quan tới sự nghiệp lâu dài của Tấn Võ Đế. Nhưng vì là điềm kỳ bí nên Quân Bật nói rằng phải Gia Cát Lượng Khổng Minh hoặc Bàn Thông mới có đủ học vấn để giải thích được cặn kẽ điềm mộng này.

Tấn Võ Đế nghe Quân Bật nói thì ngạc nhiên hỏi rằng cả Khổng Minh lẫn Bàn Thông đã chết hai trăm năm rồi tìm đâu ra nữa. Bộ họ có thuật trường sinh bất tử sao mà tìm được.

Quân Bật đáp lại với Tấn Võ Đế là ông ta mới gặp Khổng Minh gần đây trong một trường hợp hi hữu.

Theo Quân Bật thì mới đây Quân Bật đi Giang Nam, khi qua một khu rừng thì trời vừa tối Bật liền leo lên một cây cổ thụ để tránh thú rừng và ngủ qua đêm.

Đương ngồi trong đêm tối đen như mực, chợt Quán Bật thấy một đốm lửa chập chờn trước mắt, đốm lửa càng ngày càng tiến gần về phía Bật...

Đồng thời với sự xuất hiện của đốm lửa chập chờn là một điệu nhạc vừa du dương vừa hùng tráng vọng lại. Đột nhiên ngọn lửa tắt ngấm và điệu nhạc cũng bật luôn, làm cho Quán Bật phân vân không biết tại sao có hiện tượng lạ này. Bật cho là ma quỷ muốn ghẹo mình. Nhưng chỉ một giây sau đốm lửa lại xuống hiện và cùng với hai chấm xanh lè và tiến lại gần Quán Bật hơn và ngừng ngay dưới gốc cây nơi Bật đang ngồi trên cành. Bật định thần nhìn kỹ, dưới gốc cây thấy một con cạp khá lớn đang nằm phủ phục, hai chân trước cào đất dưới gốc cây... Kỳ quái hơn đuôi con cạp có một ngọn đèn và hai chấm xanh là hai con mắt cạp. Con cạp nằm phủ phục cào đất mắt nhìn bên ngọn cây. Đôi mắt cạp thật hiền từ, như muốn nói với Bật điều gì. Thình lình con cạp trườn mình và nằm sát đất như muốn mời mọc Bật leo lên lưng. Bật còn đang phân vân trước hiện tượng này thì chân trước cạp bỗng cào thành chữ “Triệu” (có nghĩa là mời). Nhìn chữ “triệu”, Bật bấm một que độn thấy que tốt liền xuống đất leo lên lưng cạp. Bật lên lưng cạp rồi thì cạp quẩy đuôi khoai thai bước đi. Ban đầu cạp đi từ từ nhưng sau được trớn phóng nhanh làm Bật ngồi lên lưng phải ôm lấy cổ cạp khi nghe gió vi vu bên tai.

Con cạp này là đệ tử của một đạo nhân, nó không nói được nhưng dùng chân viết được chữ và biết nghe tiếng người...

Tấn Võ Đế nghe Quán Bật kể đến đây thì hỏi có phải cạp là đệ tử của Khổng Minh Gia Cát Lượng không? Bật cho biết cạp là đệ tử của Thủy kinh đạo nhân, bạn cùng tu với Khổng Minh. Thủy kinh đã tiết lộ với Quán Bật nhiều điều về Tấn Võ Đế nhưng còn lờ mờ lắm... Thủy kinh nói chỉ có Khổng Minh mới biết được thiên cơ bí hiểm trước và sau hai ngàn năm... Hiện Khổng Minh còn cuốn Thánh Thư cầm nang trên núi Định Quân, quyển sách này có ghi tất cả bí mật thiên cơ trước và sau hai ngàn năm...

Tấn Võ Đế nghe đến đây thì quyết định cùng với một số triều thần và quân lính đi với Quán Bật lên núi Định Xuân lấy Thánh Thư Cầm nang và tìm tung tích Khổng Minh. Vì theo Tấn Võ Đế thì Khổng Minh còn là kẻ rất đáng sợ đối với nhà Ngụy.

Tấn Võ Đế phán thêm rằng phải diệt bằng được Khổng Minh với bất cứ giá nào mới có thể yên vị trên ngôi vua không còn sự Khổng Minh báo oán nữa.

Quán Bật tán thành ý kiến của Tấn Võ Đế và cho biết thêm, Thủy kinh đạo nhân đã nói với Quán Bật rằng ngôi mộ trên núi Định Xuân chỉ là ngôi mộ mà Khổng Minh cho xây cất để che mắt thiên hạ, chứ Khổng Minh đã tu tiên thành đạo, sống trường sinh bất tử.

Quán Bật muốn hỏi thêm Thủy Kinh về cuốn Thánh Thư Cầm nang và Khổng Minh nhưng Thủy Kinh đã từ chối không chịu tiết lộ mà chỉ nói rằng muốn biết thêm thì lên núi Định Xuân sẽ rõ... Trong Thánh Thư Cầm nang có ghi những câu sấm truyền nói triều vua nào làm vua được bao nhiêu năm...

Thế nào đêm đó Quân Bật ngủ thiếp đi lúc nào không biết sáng tỉnh dậy thấy mình nằm giữa rừng già hoang vu.

Vua Tấn Võ Đế có tật là thích làm gì thì làm lập tức nên đoàn người đi núi Đinh Quân phải lên đường liền cùng với xá gia. Quân Bật và tất cả các bốc sư bị trưng dụng đi theo luôn.

Đạo quân thiên binh, vạn mã, rầm rầm, rộ rộ kéo lên núi Đinh Xuân. Khi tới chân núi đạo quân được chia ra làm hai đội, một nửa trại đóng dưới chân núi. Một nửa mở đường hộ giá lên núi. Núi hoang vu đường xá không có, quân núi phải phá núi chặt cây rừng làm đường hộ giá lên núi. Lên tới ngọn núi mọi người thấy một cảnh chùa rất đẹp, trước chùa có ba chữ Bảo Thiên tự. Thấy nhà vua ngự giá tới một vị sư già ra nghênh đón và mời mọi người vô chùa tham quan lễ Phật.

Vua bước theo nhà sư, mọi người chen chân đi theo. Tướng Đỗ Dự hộ giá đi lên ngang nhà sư vô ý chạm vào hông nhà sư. Nhà sư quay lại nhìn Đỗ Dự với đôi mắt long lanh sáng, rồi rút dao giấu trong áo cà sa ra sẻo một miếng thịt lớn nơi Đỗ Dự vừa đụng vào và vứt đi...

Mọi người thấy hành động quái đản của nhà sư thì lo sợ vội vàng rút võ khí ra vây quanh lấy nhà sư và vua nhưng nhà sư không hành động gì tiếp theo mà lại cắt dao vào áo cà sa, ung dung bước tiếp, như không có chuyện gì xảy ra cả.